

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HS-ST

Ngày 16-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Đức Dũng và bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Sơn – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2020/TLST-HS ngày 13/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 01/9/2020 đối với bị cáo:

Phan Quốc H, sinh năm: 1996, tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: tổ B, ấp L1, xã X, huyện CM, Đồng Nai; nghề nghiệp: công an viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Thế H, sinh năm: 1972 và bà Lê Thị G, sinh năm: 1978; gia đình có 03 anh, em, bị cáo lớn nhất; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không.

Ngày 25/5/2020 bị khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Bị hại:

1. Ủy ban nhân dân xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;
2. Ban chấp hành Công đoàn cơ sở xã S, huyện CM, Đồng Nai.

Do bà Bùi Thị L – chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã S và Phó Chủ tịch Công đoàn cơ sở xã S làm đại diện theo ủy quyền (VBUQ số 111/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Chủ tịch UBND xã S và VBUQ số 01/GUQ-CĐCS ngày 26/5/2020 của Chủ tịch CĐCS xã S)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: bà Nguyễn Thị Thùy B, sinh năm: 1973, địa chỉ: tổ 3, ấp M, xã S, huyện CM, Đồng Nai;

Người làm chứng:

1. Phan Quốc Huy H1, sinh năm: 1998, địa chỉ: tổ B, ấp L1, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

2. Phan Thị Thu H2, sinh năm: 2001, địa chỉ: tổ B, ấp L1, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

3. Lê Thị G, sinh năm: 1978, địa chỉ: tổ B, ấp L1, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

(Bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Quốc H là Công an viên Công an xã S, làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa) Ủy ban nhân dân xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. Sáng ngày 16/5/2020 (thứ bảy), H thấy bà Nguyễn Thị Thùy B là thủ quỹ Công đoàn xã S để quên chìa khóa trên kết sắt trong phòng Một cửa nên nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong kết sắt. Khoảng 13 giờ cùng ngày, H đến phòng Một cửa mở cửa phòng, ngắt cầu dao điện để tắt hệ thống camera giám sát trong phòng, rồi đi đến chỗ kết sắt mở khóa kết sắt (chìa khóa cắm sẵn trong ổ khóa kết sắt) thì thấy bên trong có 01 xấp tiền gồm các mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng và 50.000 đồng được kẹp bằng kẹp bướm màu đen, để cạnh 01 con heo đất màu xanh. H đã lấy xấp tiền ra bỏ trên bàn, nhưng do bị đau bụng nên H đi vệ sinh; trước khi ra khỏi phòng H đóng lại cầu dao điện. Sau khi đi vệ sinh xong H tiếp tục quay lại ngắt cầu dao và tìm tiền trong kết sắt. H lấy ra một túi nhựa màu trắng, bên trong có 02 xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng, được bọc trong 02 tờ giấy A4 và một số giấy tờ khác. H đã lấy 02 xấp tiền, còn túi nhựa thì đem giấu dưới gầm tủ gỗ bên cạnh kết sắt. Sau đó, H khóa cửa kết sắt lại rồi cầm theo chùm chìa khóa rời khỏi phòng Một cửa và đi về nhà tại ấp L1, xã X, huyện CM. Khi về nhà H giấu chùm chìa khóa trên tủ quần áo trong phòng của mình rồi mang số tiền vừa lấy trộm được ra trước hiên nhà ngồi đếm. Lúc này, bà Lê Thị G (mẹ H) và Phan Thị Thu H2 (em gái H) thấy vậy nên đến hỏi thì H nói số tiền trên có được do môi giới đất đai. Bà G và H2 đã giúp đếm tiền cho H. Sau khi đếm được tổng số tiền là 29.350.000 đồng thì H bỏ thêm 650.000 đồng cho đủ 30.000.000 đồng để trả nợ cho Phan Quốc Huy H1 (em trai H). Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô đi đến tỉnh Bình Dương gặp H1 để trả nợ, trên đường đi H rút 500.000 đồng ra để đổ xăng. Khi đến gặp H1 thì H trả cho H1 29.500.000 đồng. Đến sáng ngày 17/5/2020, H quay về lại nhà.

Đến trưa ngày 18/5/2020, bà Nguyễn Thị Thùy B tìm chìa khóa để mở kết sắt lấy tiền nhưng không thấy nên về nhà lấy chìa khóa dự phòng mở kết sắt ra thì

phát hiện bị mất tiền nên đã trình báo cơ quan Công an. Ban đầu bà B xác định tổng số tiền bị mất trộm là 64.973.000 đồng; sau khi kiểm tra, đối chiếu sổ sách bà B xác định lại số tiền bị mất là 82.069.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- Số tiền 29.350.000 đồng do Phan Quốc Huy H1 giao nộp; 01 chùm chìa khóa gồm 11 chìa khóa kim loại, 01 móc khóa hình tròn có ghi dòng chữ “Bạn hữu đường xa” do Phan Quốc H giao nộp; 01 túi nhựa màu trắng, kích thước 20x25cm bên trong có chứa một số giấy tờ, tài liệu do chị Dương Thị Tuyết M (cán bộ tư pháp xã S) giao nộp. Tất cả đã được Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy B;

- Số tiền 12.650.000 đồng do Phan Quốc H giao nộp, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM để bảo đảm thi hành án;

- Số tiền 150.000 đồng còn lại trong số tiền 29.500.000 đồng do Phan Quốc Huy H1 giao nộp, đã trả lại cho anh H1;

- 01 đầu thu dữ liệu camera tại phòng một cửa Ủy ban nhân dân xã S, đã trả lại cho Ủy ban nhân dân xã S;

- 02 (Hai) đĩa DVD có chứa file camera ghi lại hình ảnh H xuất hiện tại phòng một cửa UBND xã S được bỏ trong gói niêm phong có dấu mộc tròn màu đỏ của Công an huyện CM, đưa vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bà Nguyễn Thị Thùy B đã hoàn trả số tiền 82.069.000 đồng cho Ủy ban nhân dân và Công đoàn xã S. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho bà B 29.350.000 đồng. Bà B yêu cầu H bồi thường tiếp số tiền 52.719.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 48/CT-VKSCM ngày 13/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện CM, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Phan Quốc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện CM, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX): tuyên bố bị cáo Phan Quốc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS; đề nghị xử phạt bị cáo H mức án tù 12 tháng đến 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định pháp luật; về xử lý vật chứng: đề nghị trả lại cho bị cáo H số tiền 12.650.000 đồng; về trách nhiệm dân sự: do tại phần tranh luận bà Nguyễn Thị Thùy B có ý kiến chỉ yêu cầu được nhận lại số tiền mà mình đã bỏ ra để khắc phục thiệt hại mà không yêu cầu ai phải bồi thường nên đề nghị dành quyền khởi kiện cho bà B đối với số tiền 52.719.000 đồng bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Ý kiến của đại diện bị hại: bà B là công chức văn hóa – xã hội và cũng là thủ quỹ Công đoàn cơ sở xã S được giao quản lý tiền quỹ Công đoàn; do bà B được giao quản lý kết sắt và thường xuyên thực hiện nhiệm vụ của công chức văn hóa – xã hội nên cơ quan có giao thêm trách nhiệm viết biên lai và thu tiền tất cả các khoản phí trong ngày tại bộ phận Một cửa. Bà B là người duy nhất quản lý chiếc kết sắt để tại phòng Một cửa. Sau khi phát hiện sự việc mất trộm, bà B đã báo ngay với lãnh đạo cơ quan, công an xã để xử lý; lãnh đạo cơ quan UBND cũng như lãnh đạo Công đoàn đã cùng bà B rà soát, kiểm tra xác định tiền quỹ công đoàn là hơn 71 triệu đồng, còn tiền phí của bộ phận Một cửa là khoảng 11 triệu đồng. Sở dĩ nguồn quỹ Công đoàn còn nhiều tiền mặt như vậy là do Công đoàn dự kiến tổ chức cho công đoàn viên du lịch nên thời gian này không chỉ cho đoàn viên vay vốn. Do bà B là người chịu trách nhiệm quản lý số tiền quỹ Công đoàn và tiền phí thu hàng ngày tại bộ phận Một cửa nên sau khi bị mất trộm bà B đã tự nguyện lấy tiền cá nhân mình nộp cho Công đoàn và UBND xã để khắc phục thiệt hại. Vì vậy đề nghị Tòa án buộc bị cáo trả lại cho bà B số tiền 82.069.000 đồng mà bà B đã ứng ra khắc phục.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà Nguyễn Thị Thùy B) tại phiên tòa: Tôi được lãnh đạo Ban chấp hành Công đoàn và lãnh đạo UBND xã S giao quản lý quỹ Công đoàn và tiền phí thu hàng ngày tại bộ phận một cửa; tất cả tiền quỹ và phí tôi đều cất vào kết sắt để phía sau chỗ ngồi của mình; chìa khóa kết chỉ có một mình tôi quản lý; tiền quỹ công đoàn, tiền thu phí hàng ngày và cả tiền tôi bán bảo hiểm y tế đều được tôi xếp riêng theo từng nguồn quỹ và để vào túi nhựa cùng với chứng từ; đối với tiền quỹ công đoàn và tiền phí bảo hiểm y tế thì tôi cất toàn bộ vào kết sắt, riêng tiền thu phí hàng ngày của bộ phận Một cửa thì tôi chỉ cất vào kết những tờ tiền có mệnh giá từ 50.000 đồng trở lên để cuối ngày nộp về cho thủ quỹ của UBND, còn tiền có mệnh giá thấp thì tôi để vào một hộp nhỏ trên bàn làm việc để tiện việc hoàn trả tiền thừa cho khách nộp phí. Vào ngày 16/5/2020 là thứ bảy nên bộ phận Một cửa chỉ làm việc buổi sáng; sau khi hết giờ làm việc tôi đã ra về mà quên rút chìa khóa kết sắt và do thứ bảy nên cũng không nộp ngay lại tiền thu phí cho thủ quỹ UBND. Đến trưa thứ hai (tức ngày 18/5/2020) do phải chi tiền nên tôi lục tìm chùm chìa khóa có chìa khóa kết sắt thì không thấy nên phải về nhà lấy chìa khóa dự phòng để mở; do lo sợ có người nhặt được chìa khóa sẽ lấy trộm tiền trong kết sắt nên trước khi mở kết tôi có nói với một số công chức khác cùng chứng kiến; khi mở kết thì phát hiện đã bị mất toàn bộ tiền phí thu hàng ngày và 01 bì nhựa đựng chứng từ và tiền quỹ công đoàn. Ban đầu tôi không có hồ sơ quỹ công đoàn nên tôi lấy theo số liệu cũ là khoảng hơn 50 triệu đồng, về sau Chủ tịch Công đoàn đưa cho tôi bản báo cáo tiền quỹ công đoàn gần nhất thì tôi báo lại là hơn 71 triệu đồng. Tổng số tiền 02 loại

quỹ và phí bị mất là 82.069.000 đồng; riêng tiền bán bảo hiểm y tế để trong túi nhựa khác thì vẫn còn. Tôi đã phải ứng tiền cá nhân để trả cho Công đoàn và UBND số tiền trên; về sau Công an trả cho tôi số tiền 29.350.000 đồng. Tôi khẳng định tổng số tiền bị mất là 82.069.000 đồng và tôi đã khắc phục trước cho Công đoàn, cơ quan nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được nhận lại số tiền còn lại mà tôi đã ứng ra khắc phục hậu quả là 52.719.000 đồng.

Người làm chứng là bà Lê Thị G và chị Phan Thị Thu H2 đều xác định: vào khoảng 14 giờ ngày 16/5/2020 bị cáo H về nhà và có lấy tiền trong túi da ra đếm; do có nhiều mệnh giá tiền nên bị cáo có nhờ họ phụ giúp đếm; chị H1 đếm trước cho ra số tiền hơn 29 triệu đồng, bà G đếm lại sau đó cho ra số tiền 29 triệu đồng; bị cáo H nói tiền này có được do môi giới mua bán đất đai.

Người làm chứng Phan Quốc Huy H1 khai: vào chiều tối ngày 16/5/2020 bị cáo H có đến Bình Dương gặp và trả cho anh số tiền nợ là 29.500.000 đồng mà bị cáo đã vay trước đó, tiền vay là 30 triệu đồng; số tiền mà bị cáo H trả cho anh gồm nhiều mệnh giá khác nhau; về sau do nhu cầu chi tiêu anh đã sử dụng số tiền này để chi trả. Sau khi biết được số tiền mà bị cáo H đem trả cho anh là tiền do trộm cắp mà có thì anh đã nộp lại cơ quan điều tra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, HĐXX nhận thấy: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS); đảm bảo được quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố; quá trình điều tra bị cáo và những người tham gia tố tụng không ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Phan Quốc H đã khai nhận: khi phát hiện bà Nguyễn Thị Thùy B để quên chìa khóa trong ổ khóa kết sắt, bị cáo đã nảy sinh ý định trộm tiền trong két; sau khi bị cáo ăn cơm trưa xong đã quay lại mở cửa phòng Một cửa, tắt nguồn điện để ngắt camera giám sát; lấy 01 xấp tiền nhiều mệnh giá được kẹp lại với nhau bằng 01 kẹp bướm bằng sắt, màu đen để ra ngoài; do bị đau bụng nên bị cáo đi vệ sinh sau đó quay trở lại tiếp tục lấy ra 01 túi nhựa bên trong có một số giấy tờ và 02 xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng; bị cáo lấy 02 xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng và kẹp tiền lấy trước đó bỏ vào túi quần, còn bìa

nhựa và giấy tờ để trong bìa nhựa thì nhét vào gầm tủ bên cạnh két sắt; sau đó bị cáo khóa cửa két sắt lại và cầm theo chùm chìa khóa ra về; trước khi về bị cáo đóng lại cầu dao điện của phòng Một cửa như ban đầu; khi về đến nhà bị cáo cất chùm chìa khóa lên nóc tủ trong phòng mình và ra trước hiên nhà lấy toàn bộ tiền trộm cắp được ra đếm; lúc này em gái bị cáo là Phan Thị Thu H2 và mẹ bị cáo là Lê Thị G có đến hỏi “tiền ở đâu?” thì bị cáo nói tiền môi giới mua bán đất có được và nhờ phụ giúp bị cáo đếm tiền; số tiền bị cáo đếm được là 29.350.000 đồng; đến chiều ngày 16/5/2020 bị cáo lấy thêm 650.000 đồng của mình gộp chung với số tiền trộm cắp được cho thành 30.000.000 đồng mang lên Bình Dương để trả nợ cho em trai là Phan Quốc Huy H1. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai, bản cung của bị cáo đã được thu thập trong hồ sơ (BL 101 -> 110, 113 -> 118 và 136, 137), phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác về hành vi phạm tội của bị cáo đã được thu thập trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, đại diện bị hại và bà Nguyễn Thị Thùy B luôn cho rằng dựa trên các báo cáo, chứng từ quỹ Công đoàn, biên lai thu phí thì số tiền bị mất trộm không phải là 29.350.000 đồng như bị cáo khai nhận, mà tổng số tiền để trong két sắt bị mất trộm là 82.069.000 đồng; tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra chỉ đủ cơ sở xác định bị cáo H lấy trộm 29.350.000 đồng mà không đủ căn cứ xác định bị cáo đã lấy trộm toàn bộ số tiền mà bà B khai. Như vậy đã xác định được: vào khoảng 13 giờ 00 đến 13 giờ 30 ngày 16/5/2020, bị cáo Phan Quốc H đã có hành vi lén lút đột nhập vào Phòng Một cửa thuộc UBND xã S mở két sắt lấy trộm số tiền 29.350.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương; đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Do đó, Cáo trạng số 48/CT-VKSCM ngày 13/8/2020 của VKSND huyện CM truy tố bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Khi phạm tội bị cáo H là Công an viên xã Sông Ray nên chắc chắn hiểu rõ quy định pháp luật; nhưng chỉ vì lòng tham và lợi dụng sự thiếu cảnh giác của bà B trong việc quản lý tài sản mà bị cáo đã bất chấp hậu quả có thể xảy ra cho bản thân, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, gây mất niềm tin trong nhân dân; do đó, cần áp dụng loại hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS..

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS, đó là: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i) và người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s); đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận, tuy nhiên theo tài liệu trong hồ sơ thì bị cáo H đã ăn năn hối cải về hành vi của mình và tự nguyện nộp lại số tiền 12.650.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả đã gây ra; do đó, HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết người phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS. Ngoài ra, HĐXX cũng xem xét bị cáo có ông, bà nội là người có công với đất nước, được tặng thưởng nhiều huân, huy chương cao quý và áp dụng khoản 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Từ những phân tích về tính chất, mức độ nguy hiểm, hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy bị cáo H có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên HĐXX áp dụng Điều 65 của BLHS đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện bị hại không yêu cầu gì mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét buộc bị cáo bồi thường cho bà B số tiền 52.719.000 đồng; bà B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 52.719.000 đồng. HĐXX nhận thấy: do không đủ cơ sở xác định bị cáo H trộm cắp số tiền 82.069.000 đồng mà chỉ xác định bị cáo chiếm đoạt số tiền 29.350.000 đồng theo căn cứ để truy tố bị cáo nên không chấp nhận đề nghị và yêu cầu trên. Đối với đề nghị của Kiểm sát viên về việc dành quyền khởi kiện dân sự cho bà B bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu là không phù hợp pháp luật nên không chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý các vật chứng phù hợp quy định pháp luật nên không xem xét xử lý lại. Đối với số tiền 12.650.000 đồng do Phan Quốc H giao nộp và hiện nay đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, do bị cáo không phải thực hiện trách nhiệm bồi thường dân sự thêm nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Các đề nghị còn lại của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Quốc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65: của BLHS

Xử phạt: bị cáo Phan Quốc H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của BLTTHS;

Trả cho bị cáo Phan Quốc H số tiền 12.650.000 (Mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. *(Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/8/2020)*

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Phan Quốc H phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Sở tư pháp Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu HS, AV (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Thế Nam